

Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2015

HƯỚNG DẪN

Một số điểm trong công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ

Căn cứ Quyết định số 862/2013/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư 70/2015/BGTVT).

Cục Đăng kiểm Việt Nam hướng dẫn cụ thể một số điểm trong công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới như sau:

1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1.1. Hướng dẫn thực hiện kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới; quản lý, lưu trữ, sử dụng hồ sơ, ấn chỉ kiểm định.

1.2. Áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

1.3. Là căn cứ cho việc kiểm tra, đánh giá, giám sát công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

2. Hướng dẫn các nội dung cụ thể trong Thông tư 70/2015/BGTVT

2.1. Khoản 6 Điều 4 Thông tư 70/2015/BGTVT: Việc cảnh báo xe cơ giới trên Chương trình Quản lý kiểm định do Phòng Kiểm định xe cơ giới thực hiện theo Phụ lục 1 kèm theo Hướng dẫn này.

2.2. Điểm c Khoản 1 Điều 5 Thông tư 70/2015/BGTVT: Các Đơn vị đăng kiểm thực hiện lập Hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới bị tịch thu bán đấu giá, xe dự trữ Quốc gia bán đã có đủ giấy tờ cần thiết cụ thể như sau:

a) Đối với xe cơ giới đã có trong cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định, Đơn vị đăng kiểm thực hiện bổ sung, sửa đổi Hồ sơ phương tiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 của Thông tư 70/2015/BGTVT.

b) Đối với xe cơ giới chưa có trong cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định nhưng có cùng nhãn hiệu và số loại với xe khác đã có trong cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định, Đơn vị đăng kiểm căn cứ theo cơ sở dữ

liệu để kiểm tra và lập Hồ sơ phương tiện theo khoản 1 Điều 8 của Thông tư 70/2015/BGTVT.

c) Đối với xe cơ giới không cùng nhãn hiệu và số loại với xe nào trong cơ sở dữ liệu hoặc đã có trong cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định nhưng thông số kỹ thuật thực tế của xe không phù hợp với thông số kỹ thuật đã có, nếu xe cơ giới thỏa mãn các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định thì Đơn vị đăng kiểm lập Hồ sơ phương tiện theo thực tế và gửi thông báo về Phòng Kiểm định xe cơ giới.

2.3. Điều 5 Thông tư 70/2015/BGTVT: Khi chủ xe xuất trình, nộp các giấy tờ đầy đủ, hợp lệ, Đơn vị đăng kiểm lập Phiếu theo dõi hồ sơ theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Hướng dẫn này. Phiếu theo dõi hồ sơ lưu cùng Hồ sơ kiểm định, trường hợp xe cơ giới chỉ lập Hồ sơ phương tiện thì lưu cùng Hồ sơ phương tiện.

2.4. Điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư 70/2015/BGTVT: Đơn vị đăng kiểm đề nghị chủ xe cung cấp thông tin về tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và địa chỉ trang WEB quản lý thiết bị giám sát hành trình đối với xe cơ giới thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình (theo quy định tại Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng ô tô).

2.5. Khoản 1 Điều 7 Thông tư 70/2015/BGTVT: Nội dung kiểm tra, phương pháp kiểm tra và khiếm khuyết, hư hỏng khi kiểm định xe cơ giới theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư 70/2015/BGTVT được chia thành các công đoạn kiểm tra theo Phụ lục 3 kèm theo Hướng dẫn này.

2.6. Khoản 1, Khoản 2 Điều 8 Thông tư 70/2015/BGTVT: Nội dung kiểm tra khi lập Hồ sơ phương tiện, kiểm tra xe cơ giới và hoàn thiện hồ sơ thực hiện theo Phụ lục 4 kèm theo Hướng dẫn này.

2.7. Điểm c Khoản 1 Điều 8 Thông tư 70/2015/BGTVT: Việc nhập thông tin hành chính, thông số kỹ thuật của xe cơ giới vào Chương trình Quản lý kiểm định, nội dung Phiếu lập Hồ sơ phương tiện, Phiếu kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định thực hiện theo Phụ lục 5 kèm theo Hướng dẫn này. Thông số kỹ thuật trong Phiếu lập Hồ sơ phương tiện là thông số kỹ thuật của xe cơ giới nguyên thủy.

Khi có sai khác nội dung giữa Hồ sơ (thông tin tra cứu trên trang Thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam về Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu, Thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu; Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo; Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng), Cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định với thông số kỹ thuật thực tế của xe cơ giới, Đơn vị đăng kiểm thực hiện như sau:

a) Trường hợp kiểm tra, xác định các thông số kỹ thuật của xe cơ giới đúng nhưng Hồ sơ, cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định sai thì tiếp tục kiểm định cho xe, đồng thời có trách nhiệm phản hồi về nơi cấp hoặc nhập thông tin vào Chương trình Quản lý kiểm định để bổ sung, sửa đổi và hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

b) Trường hợp kiểm tra, xác định các thông số kỹ thuật của xe cơ giới sai thì Đơn vị đăng kiểm phải thông báo cho chủ xe lý do xe không đạt yêu cầu.

2.8. Điểm c Khoản 2 Điều 8 Thông tư 70/2015/BGTVT: Nếu xe cơ giới không đạt, Đơn vị đăng kiểm thông báo các hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng (MaD, DD) trên Chương trình Quản lý kiểm định và trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Các Đơn vị đăng kiểm có trách nhiệm kiểm tra trên Chương trình Quản lý kiểm định và trang thông tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam tình trạng thông báo các hạng mục khiếm khuyết, hư hỏng của xe cơ giới khi đến kiểm định.

2.9. Khoản 4, Khoản 5 Điều 8 Thông tư 70/2015/BGTVT: Việc ghi nhận bổ sung, sửa đổi Hồ sơ phương tiện khi xe cơ giới đến Đơn vị đăng kiểm không quản lý Hồ sơ phương tiện thực hiện như sau:

a) Đơn vị đăng kiểm gửi (trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính) giấy tờ liên quan về Đơn vị đăng kiểm quản lý Hồ sơ phương tiện và lưu bản sao vào Hồ sơ kiểm định (đối với trường hợp thay đổi thông số kỹ thuật). Trường hợp gửi bản sao thì phải đóng dấu của Đơn vị đăng kiểm lên bản sao.

b) Đơn vị đăng kiểm quản lý Hồ sơ phương tiện nhận giấy tờ và kiểm tra, đối chiếu với tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định, tài liệu kỹ thuật, Hồ sơ phương tiện, Chương trình Quản lý kiểm định. Nếu đầy đủ, hợp lệ thì bổ sung, sửa đổi Hồ sơ phương tiện, Chương trình Quản lý kiểm định và lưu giấy tờ vào Hồ sơ phương tiện. Nếu không đầy đủ hoặc không hợp lệ thì yêu cầu Đơn vị đăng kiểm đã tiếp nhận thông tin, đã kiểm định phối hợp với chủ xe sửa chữa khắc phục.

c) Đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm định có trách nhiệm theo dõi việc bổ sung, sửa đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật của xe cơ giới của Đơn vị quản lý Hồ sơ phương tiện trong thời gian 10 ngày làm việc, việc theo dõi phải được ghi chép vào sổ của Đơn vị đăng kiểm.

2.10. Khoản 1 Điều 9 Thông tư 70/2015/BGTVT: Tem kiểm định có đóng dấu vạch màu đỏ cấp cho: xe cơ giới sắp hết niên hạn sử dụng kiểm định chu kỳ cuối; xe cơ giới có thể tích thùng hàng, xi téc vượt quá quy định tại các Thông tư số 32/2012/TT-BGTVT ngày 09/08/2012, Thông tư số 42 /2014/TT-BGTVT ngày 15/09/2014 đã được phép nhập khẩu, sản xuất lắp ráp, cải tạo; các trường hợp khác

cần cảnh báo cho lực lượng tuần tra kiểm soát theo hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2.11. Khoản 1 Điều 9 Thông tư 70/2015/BGTVT: Trường hợp xe cơ giới chỉ được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, không được cấp Tem kiểm định thì Đơn vị đăng kiểm gạch chéo lên Tem kiểm định không cấp cho xe và lưu cùng với Hồ sơ kiểm định.

2.12. Khoản 2 Điều 9 Thông tư 70/2015/BGTVT: Xe cơ giới chưa có đủ giấy tờ cần thiết, có nhu cầu kiểm định thì các Đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm định (không phải xuất trình, nộp các giấy tờ quy định tại Điều 5 của Thông tư 70/2015/BGTVT), nếu đạt thì cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định (đối với xe cơ giới được phép tham gia giao thông đường bộ) có thời hạn không quá 15 ngày.

2.13. Khoản 2 Điều 10 Thông tư 70/2015/BGTVT: Đơn vị đăng kiểm có trách nhiệm kiểm kê, xác nhận vào Phiếu cấp phát ấn chỉ và gửi về Phòng Kiểm định xe cơ giới trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ấn chỉ kiểm định từ Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2.14. Khoản 2 Điều 11 Thông tư 70/2015/BGTVT: Việc truyền dữ liệu kết quả kiểm định về Cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định tại Cục Đăng kiểm Việt Nam được thực hiện như sau: Khi hết giờ làm việc hàng ngày hoặc vào đầu giờ làm việc ngày hôm sau; kết thúc ngày làm việc cuối cùng của tháng hoặc đầu giờ làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo, Đơn vị đăng kiểm gửi:

a) Dữ liệu kiểm định xe cơ giới (bằng file nén được giữ nguyên tên file kết xuất từ Chương trình Quản lý kiểm định) vào thư mục của đơn vị tại máy chủ của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Dữ liệu thu phí sử dụng đường bộ.

2.15. Điểm h Khoản 1 Điều 12 Thông tư 70/2015/BGTVT: Xe cơ giới kiểm định và được cấp Giấy chứng nhận kiểm định lần đầu tiên từ sau khi lập Hồ sơ phương tiện tại Đơn vị đăng kiểm không quản lý Hồ sơ phương tiện thì Đơn vị đăng kiểm gửi bản sao Giấy chứng nhận kiểm định về Đơn vị đăng kiểm quản lý Hồ sơ phương tiện.

2.16. Khoản 2 Điều 11 Thông tư 70/2015/BGTVT: Dữ liệu lưu trữ tại Đơn vị đăng kiểm và dữ liệu gửi về Cơ sở dữ liệu của Chương trình Quản lý kiểm định trên máy chủ của Cục Đăng kiểm Việt Nam phải phù hợp với Hồ sơ phương tiện, Hồ sơ kiểm định.

2.17. Khoản 4 Điều 12 Thông tư 70/2015/BGTVT: Các ấn chỉ hỏng được lưu trữ theo từng loại, theo thứ tự số sê ri ấn chỉ và lưu trữ riêng hàng tháng, trên ấn chỉ

ghi rõ lý do hỏng để hủy khi Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đánh giá định kỳ Đơn vị đăng kiểm hàng năm.

2.18. Điểm a Khoản 4 Điều 12: Hồ sơ phương tiện được lập, quản lý, lưu trữ tại Đơn vị đăng kiểm lập Hồ sơ phương tiện trong suốt quá trình sử dụng xe cơ giới (không thực hiện chuyển Hồ sơ phương tiện của xe cơ giới). Đơn vị đăng kiểm quản lý Hồ sơ phương tiện có trách nhiệm:

a) Ghi nhận bổ sung, sửa đổi Hồ sơ phương tiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 8 Thông tư 70/2015/BGTVT.

b) Cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hồ sơ phương tiện cho Đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm định xe cơ giới khi có yêu cầu.

c) Lưu, sắp xếp Hồ sơ phương tiện của mỗi xe cơ giới thành bộ riêng, theo thứ tự số quản lý Hồ sơ phương tiện.

2.19. Điểm b Khoản 4 Điều 12 Thông tư 70/2015/BGTVT: Hồ sơ kiểm định của mỗi xe được xếp thành bộ riêng theo thứ tự số Phiếu theo dõi hồ sơ và lưu riêng theo từng ngày kèm theo bản sao chụp Phiếu phân công nhiệm vụ hàng ngày, bản in Báo cáo kết quả công tác kiểm định trong ngày.

2.20. Khoản 2 Điều 14 Thông tư 70/2015/BGTVT: Các Đơn vị đăng kiểm trên cả nước thống nhất sử dụng phiên bản mới nhất của Chương trình Quản lý kiểm định do Cục Đăng kiểm Việt Nam công bố.

2.21. Khoản 7 Điều 14 Thông tư 70/2015/BGTVT: Phòng Kiểm định xe cơ giới có trách nhiệm lập kế hoạch in ấn, quản lý, cấp phát, kiểm tra và hướng dẫn việc sử dụng ấn chỉ, chứng chỉ kiểm định tại các Đơn vị đăng kiểm. Trường hợp Đơn vị đăng kiểm không tiếp tục hoạt động hoặc có vi phạm bị đình chỉ hoạt động, thực hiện lập biên bản kiểm kê, niêm phong hoặc thu hồi ấn chỉ chưa sử dụng.

2.22. Khoản 2 Điều 16 của Thông tư 70/2015/BGTVT: Các Đơn vị Đăng kiểm thông báo nội dung trong Phụ lục 6 của Hướng dẫn này tại Phòng chờ kiểm định để chủ xe biết.

2.23. Khoản 3 Điều 16 của Thông tư 70/2015/BGTVT: Các Đơn vị đăng kiểm mở các Sổ quản lý hồ sơ, ấn chỉ để theo dõi việc lưu trữ, báo cáo, bao gồm:

a) Sổ theo dõi cấp phát Giấy chứng nhận, Tem kiểm định (theo mẫu tại Phụ lục 7).

b) Sổ theo dõi sửa Phiếu lập Hồ sơ phương tiện (theo mẫu tại Phụ lục 8).

c) Sổ phân công nhiệm vụ kiểm định (theo mẫu tại Phụ lục 9).

d) Sổ quản lý Phiếu lập Hồ sơ Phương tiện (theo mẫu tại Phụ lục 10).

2.24. Thời gian sản xuất của xe cơ giới làm căn cứ để cấp chu kỳ kiểm định quy định tại Phụ lục VII của Thông tư 70/2015/BGTVT được tính theo năm (như cách tính niên hạn sử dụng của xe cơ giới).

Ví dụ: Xe cơ giới được sản xuất từ 01/01/2013 thì:

- Đến hết 31/12/2015 được tính là đã sản xuất đến (trong thời gian) 2 năm (2015 - 2013 = 02 năm).

- Từ 01/01/2016 được tính là đã sản xuất trên 2 năm (2016 - 2013 = 03 năm).

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Hướng dẫn này có hiệu lực từ ngày 01/01/2016 và bãi bỏ các văn bản sau đây:

a) Hướng dẫn 2121/ĐKVN-VAR ngày 13/06/2014 của Cục Đăng kiểm Việt Nam hướng dẫn một số điểm trong công tác kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

b) Nội dung tại các văn bản khác của Cục Đăng kiểm Việt Nam trái với Hướng dẫn này.

3.2. Phòng Kiểm định xe cơ giới có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, chỉ đạo chuyên môn nghiệp vụ về kiểm định xe cơ giới, kiểm tra việc thực hiện quy định của Thông tư 70/2015/BGTVT, nội dung của Hướng dẫn này.

b) Chủ trì và phối hợp với Trung tâm tin học xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất Chương trình Quản lý kiểm định, cơ sở dữ liệu kiểm định trên cả nước, nối mạng truyền số liệu và quản lý dữ liệu xe cơ giới kiểm định của các Đơn vị đăng kiểm.

c) Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá định kỳ sự phù hợp về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, hồ sơ, lưu trữ, chế độ báo cáo và các yêu cầu theo quy định đối với các Đơn vị đăng kiểm.

d) Thực hiện kiểm định, đánh giá, hiệu chuẩn hàng năm về tình trạng, sự hoạt động của thiết bị kiểm định tại các Đơn vị đăng kiểm.

đ) Phối hợp với Trung tâm đào tạo tổ chức tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ kiểm định xe cơ giới.

e) Đánh giá và trình Cục trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm, cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

g) Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ và đột xuất hoạt động kiểm định của các Đơn vị đăng kiểm. Báo cáo, đề xuất Cục trưởng xử lý sai phạm của cá nhân và Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới.

h) Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm định theo yêu cầu.

3.3. Thủ trưởng các Đơn vị đăng kiểm có trách nhiệm

a) Phổ biến các quy định của Thông tư 70/2015/BGTVT, nội dung của Hướng dẫn này đến toàn thể các đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ trong đơn vị.

b) Triển khai, kiểm tra thực hiện các quy định của Thông tư 70/2015/BGTVT, nội dung của Hướng dẫn này tại đơn vị.

c) Bổ sung, sửa đổi và thông báo các thủ tục hành chính, quy trình kiểm định tại đơn vị.

d) Thay thế các Bảng niêm yết, thông báo đã hết hiệu lực tại phòng chờ của đơn vị.

3.4. Đối với các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, Đơn vị đăng kiểm phản ánh kịp thời về Cục Đăng kiểm Việt Nam để xem xét, hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Bộ Giao thông vận tải (để b/c);
- Vụ KHCN (để b/c);
- Các Sở GTVT (để p/h);
- Các Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (để t/h);
- Các Phó Cục trưởng (để c/đ);
- Các Phòng, TT: VAR, VAQ, VMTC (để t/h);
- Lưu VP.

CỤC TRƯỞNG

Trần Kỳ Hình